

Số: 64/2024/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình số 159/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị B H**. Sinh năm 1959. HKTT: Phòng 11, số 30 Tr, phường HB, quận H4, Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Tòa C15, tầng 9, Chung cư E, đường Đ, quận L, Hà Nội.

* **Bị đơn:** Ông **Phạm A Đ**. Sinh năm 1955. HKTT: Phòng 11, số 30 Tr, phường HB, quận H4, Hà Nội.

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Bà Nguyễn Thị B H và Ông Phạm A Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/1984 tại Ủy ban nhân dân phường HB, quận H4, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị B H và Ông Phạm A Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Ông Bà có 02 con chung là chị Phạm Nhật H1, sinh năm, chị Phạm Thu H2 sinh năm, Các con của ông Đ bà H đã trưởng thành, hiện đã có công việc, hiện đã kết hôn nên ông Đ, bà H không có ý kiến gì về con chung.

- **Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung:** Ông Đ bà H trình bày không có, tự lo nơi ở sau ly hôn, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí **bà H** đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Biên lai tạm ứng án phí số 0006546 ngày 30/5/2024. Số tiền còn lại 150.000 đồng **bà H**

tự nguyện sung quỹ Nhà nước.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS ND quận Hoàn Kiếm;
- UBND p.HB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THU HÀ